TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH BẮC NINH** Bản án số: 03/2018/DS- ST Ngày: 19-9-2018 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Phạm Văn Phong**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Xuân Quốc

Bà: Nguyễn Thị Châm

- M ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Trịnh Đình Giáp** - M ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà **Phùng Lan Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST - DS ngày 16/7/2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX - ST, ngày 04/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965

Trú quán: X - Y - C - Bắc Ninh (có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954

Trú quán: K - L - C - Bắc Ninh (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 20/11/2016, ông cho bà Nguyễn Thị M vay 45.000.000 đồng, khi vay bà Nguyễn Thị M viết giấy biên nhận vay tiền với nội dung vay số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng), mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nợ gốc, lãi suất thỏa thuận miệng với nhau theo quy định của pháp luật. Quá trình thanh toán, bà M đã trả ông 3.000.000 đồng tiền nợ gốc. Cụ thể ngày

22/12/2016 bà M trả 2.000.000 đồng; ngày 25/01/2017, bà M trả 1.000.000 đồng. Ông đã nhiều lần đến yêu cầu bà M phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu và tiền lãi nhưng bà M vẫn không trả. Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M phải trả ông số tiền nợ gốc còn thiếu là 42.000.000 đồng, tiền lãi ông không yêu cầu.

Theo bà M trình bày: Bà thừa nhận có vay của ông T số tiền 45.000.000 đồng như ông T đã trình bày là đúng. Trong quá trình thanh toán ngày 22/12/2016, bà có trả ông T 2.000.000 đồng và ngày 25/01/2017, bà trả ông T 1.000.000 đồng. Nay bà xác nhận còn nợ ông T 42.000.000đ tiền nợ gốc. Mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu bà phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng), tiền lãi ông T không yêu cầu, quan điểm của bà số tiền bà vay của ông T bà đã cho người khác vay lại, khi nào bà đòi được bà sẽ có trách nhiệm trả ông T.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm cho rằng: Việc Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn quy định của pháp luật. Việc Tòa án thu thập chứng cứ và ra các văn bản tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Buộc bà Nguyễn Thị M trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 42.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa.

Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà M là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị M phải trả ông số tiền nợ gốc còn thiếu là 42.000.000đồng, lời đề nghị của ông T qua xem xét HĐXX nhận thấy: Ngày 20/11/2016, ông Nguyễn Văn T cho bà Nguyễn Thị M vay 45.000.000 đồng, khi vay bà Nguyễn Thị M viết giấy biên nhận vay tiền với nội dung vay số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng), mỗi tháng trả 2.000.000đồng nợ gốc. Quá trình thanh toán, bà M đã trả ông T 3.000.000đồng tiền nợ gốc. Cụ thể ngày 22/12/2016 bà M trả ông T 2.000.000đồng; ngày 25/01/2017, bà M trả ông T 1.000.000đồng. Nay bà M cũng thừa nhận còn nợ ông T 42.000.000đ tiền nợ gốc. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán và ông T đã nhiều lần đòi nhưng bà M vẫn không trả. Do vậy ông T có quyền đề nghị Tòa án buộc bà M phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn thiếu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Ông T không yêu cầu bà M phải trả nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 228, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả ông Nguyễn Văn T 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền là 1.000.000 (Một triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001088 ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Phong

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C
(khi án có hiệu lực PL);
- Phòng GĐ TAND Tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;.
- Lưu HS, VP.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH BẮC NINH** Bản án số: 05/2018/DS- ST Ngày: 20-11-2018 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Vũ Văn Vừng

Ông Nguyễn Đức Hùng

- *M ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Trịnh Đình Giáp - M ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2018/TLST- DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX - ST, ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

*. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Tuyến, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Tuyến: Anh Trịnh Đình Kiên, sinh năm 1990. (Có mặt tại phiên tòa)

Đều trú quán: Thôn Hôm - xã Đào Viên - huyện Quế Võ - tỉnh Bắc Ninh (Theo giấy ủy quyền số 3215 Quyển số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2018 tại Văn phòng Công chứng Minh Phương). (Có mặt tại phiên tòa)

*. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Quảng , sinh năm 1970

Trú quán: Thôn Đào Xá - xã Trung Chính - huyện C - tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa anh Trịnh Đình Kiên là người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Tuyến trình bày: Bà Đỗ Thị Tuyến và ông Nguyễn Văn Quảng có quan hệ tình cảm và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Chính, huyện C, tỉnh Bắc Ninh nhưng không tổ chức hôn lễ và không chung sống cùng nhau, kinh tế độc lập. Do có nhu cầu dùng đến tiền nên ông Nguyễn Văn Quảng đã nhờ bà Đỗ Thị Tuyến vay giúp và bà Tuyến đã đồng ý. Cụ thể ngày 29/3/2017, bà Đỗ Thị Tuyến vay 6.000 USD (Đô la Mỹ) của người khác về và cho ông Nguyễn Văn Quảng vay lại, khi vay hai bên không viết giấy vay mượn, thời hạn vay là 5 tháng, để đảm bảo cho khoản vay tài sản trên có giá trị pháp lý thì ông Quảng đã thế chấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Văn Quảng cho bà Đỗ Thị Tuyến. Đến hạn thanh toán bà Tuyến đã nhiều lần yêu cầu ông Quảng phải trả 6.000 USD(Đô la Mỹ) mà ông Quảng đã vay nhưng ông Quảng không trả nên bà Tuyến đã viết giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 29/3/2017 nhưng thực tế ngày viết giấy biên nhận là ngày 02/8/2017; nội dung giấy biên nhận vay tiền ghi: "Anh Nguyễn Văn Quảng ở Trung Chính, C vay của tôi Đỗ Thị Tuyến ở Đào Viên, Quế Võ 6.000USĐ (mỹ) và anh đưa cho tôi sổ đỏ để thế chấp, hẹn đến ngày 02/8/2017 âm lịch sẽ trả nợ hết", sau đó ông Quảng đã viết vào phần dưới giấy biên nhận: "Trong điều kiện gia đình tôi quá khó khăn, vậy tôi chưa trả đúng hẹn được, tôi xin đóng lãi đầy đủ, còn tiền gốc tôi xin khất trả dần" và ông Quảng đã trả lãi cho bà Tuyến từ ngày 02/8/2017 đến 02/8/2018 là 12 tháng với số tiền đã trả lãi là: 33.600.000đồng. (Ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) thì không trả nữa. Nay, người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Tuyến yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Quảng phải trả 6.000USD (Đô là Mỹ) quy đổi thành tiền Việt Nam tạm tính tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án là 136.000.000đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng) còn tại thời điểm xét xử giá đô la (mỹ) thế nào thì Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tiền lãi: Do ông Nguyễn Văn Quảng đã trả bà Đỗ Thị Tuyến được 33.600.000đ (Ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi nên người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Tuyến không yêu cầu ông Quảng phải trả tiền lãi nữa. Chỉ khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Quảng không trả nợ gốc thì phải chịu tiền lãi phát sinh chậm trả theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong thì bà Tuyến mới đồng ý trả ông Nguyễn Văn Quảng GCNQSDĐ mà trước đây ông Nguyễn Văn Quảng đã thế chấp

Về thiệt hại của hợp đồng: Từ khi bà Tuyến giao 6.000USD (Đô là Mỹ) cho ông Quảng đến nay thì bà Tuyến cũng không bị thiệt hại gì nên không yêu cầu ông Quảng phải bồi Mờng thiệt hại.

Ông Nguyễn Văn Quảng trình bày: Ông và bà Đỗ Thị Tuyến có quen biết nhau, hai bên nảy sinh tình cảm và tự nguyện đi đăng ký kết hôn, nhưng chưa tổ chức hôn lễ và chưa chung sống với nhau, kinh tế hai người độc lập. Ông xác định không có việc vay 6.000USD (Đô la Mỹ) của bà Tuyến theo giấy biên nhận vay tiền ngày 29/3/2017. Tuy nhiên chữ ký trên giấy biên nhận vay tiền ngày 29/3/2017 đúng là chữ ký của ông và ông xác nhận có giao GCNQSD đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Quảng cho bà Tuyến giữ và đã trả tiền lãi cho bà Tuyến 2.800.000đồng/tháng, thời gian trả lãi từ ngày 02/8/2017 đến ngày 02/8/2018 với tổng số tiền là 33.600.000đồng. Nay ông không yêu cầu gì về số tiền lãi đã đưa cho bà Tuyến; Ông xác định việc vay mượn 6.000USD (mỹ) và giao GCNQSD đất cho bà Tuyến giữ từ đó đến nay không bị thiệt hại gì nên ông không yêu cầu bồi Mờng thiệt hại. Nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông phải trả nợ bà Tuyến số tiền 6.000USD (Đô là Mỹ) quy đổi thành tiền Việt Nam tạm tính tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án là 136.000.000đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng) còn tại thời điểm xét xử giá đô la (mỹ) thế nào đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết thì ông không đồng ý. Ông đề nghị Tòa án yêu cầu bà Tuyến trả lại cho ông GCNQSD đất cho ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm cho rằng: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn quy định của pháp luật. Việc Tòa án thu thập chứng cứ và ra các văn bản tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 147, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 131 và Điều 132 của Bộ luật dân sự (năm 2015); Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PLUBTVQH ngày 13/12/2005 của Ủy ban Mờng vụ Quốc Hội; Nghị định số 160/2006/NĐ – CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối; Công văn số 81/2012/TANDTC ngày 10/6/2002 của TANDTC. Xử: 1.Tuyên bố hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Đỗ Thị Tuyến và ông Nguyễn Văn Quảng vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Văn Quảng phải trả bà Đỗ Thị Tuyến 6.000 USD (Mỹ) quy đổi ra tiền Việt Nam bằng 136.356.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

2. Buộc bà Đỗ Thị Tuyến phải trả lại ông Nguyễn Văn Quảng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Quảng.

3.Buộc bà Đỗ Thị Tuyến phải nộp lại số tiền 33.600.000 đồng (Ba mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa.

Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, ông Nguyễn Văn Quảng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Quảng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Trịnh Đình Kiên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tuyến buộc ông Nguyễn Văn Quảng phải trả bà Đỗ Thị Tuyến số tiền nợ gốc 6.000USD (Đô la Mỹ) quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử là 136.356.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Căn cứ mà người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Tuyến đưa ra là: Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 29/3/2017 mà ông Nguyễn Văn Quảng đã ký. Còn ông Nguyễn Văn Quảng thì thừa nhận đúng là chữ ký của mình trong giấy biên nhận vay tiền đó nhưng ông không được nhận tiền nên ông không đồng ý trả. HĐXX xét thấy: Theo giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 29/3/2017 thì ông Nguyễn Văn Quảng là người vay của bà Đỗ Thị Tuyến 6.000USD (Đô la Mỹ), khi vay ông Quảng đã thế chấp cho bà Tuyến 01 GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Văn Quảng và cụ thể bà Đỗ Thị Tuyến vẫn đang giữ GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn Quảng, tại phần dưới của giấy biên nhận vay tiền ông Quảng còn ghi:"Trong điều kiện gia đình tôi quá khó khăn, vậy tôi chưa trả đúng hẹn được, tôi xin đóng lãi đầy đủ, còn tiền gốc tôi xin khất trả dần" và thực tế mỗi tháng ông Quảng đã trả lãi cho bà Tuyến 2.800.000đ, (tương đương mức lãi 2%/tháng)thời gian trả lãi từ ngày 02/8/2017 đến 02/8/2018 là 12 tháng với số tiền đã trả lãi là: 33.600.000đồng. (Ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Điều này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà Đỗ Thị Gấm là chị dâu của ông Quảng cho biết: Sau khi bà Tuyến đòi tiền ông Quảng thì bà nghe trực tiếp ông Quảng nói: "Bây giờ chưa làm ăn được, hứa khi nào làm ăn được sẽ trả bà Tuyến và hàng tháng vẫn trả tiền lãi cho bà Tuyến, thỉnh thoảng bà còn chứng kiến ông Quảng đưa tiền lãi cho bà Tuyến 2.800.000đ. Mặt khác tại biên bản hòa giải ngày 07/11/2018 thì ông Quảng còn trình bày: Việc vay mượn 6.000USD (mỹ) và giao GCNQSD đất cho bà Tuyến giữ từ đó đến nay ông cũng không bị thiệt hại gì. Mặc dù

ông Quảng trình bày ông không được nhận tiền (USD mỹ) của bà Tuyến và Tòa án đã giao thông báo về việc giao nộp chứng cứ cho ông Quảng nhưng ông Quảng vẫn không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy có đủ căn cứ để xác định ông Nguyễn Văn Quảng vay của bà Đỗ Thị Tuyến 6.000USD (mỹ) và ông Nguyễn Văn Quảng đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Quảng cho bà Đỗ Thị Tuyến theo giấy biên nhận vay tiền ngày 29/3/2017.

Tuy nhiên hợp đồng vay tài sản giữa bà Đỗ Thị Tuyến và ông Nguyễn Văn Quảng là ngoại tệ (Đô la Mỹ).

Tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PLUBTVQH 11 ngày 13/12/2005 của Ủy ban Mờng vụ Quốc Hội và Điều 29 Nghị Định số 160/2006/NĐ- CP ngày 28/12/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối quy định : "Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối..".

Đối chiếu với quy định của pháp luật nêu trên thì thấy việc vay nợ giữa bà Tuyến với ông Quảng là giao dịch trái pháp luật. Mặt khác việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông Quảng và bà Tuyến không có công chứng, chứng thực và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Quảng nhưng tự ý mình ông Quảng thế chấp là không đúng với quy định của pháp luật. Do vậy, cần xác định hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Tuyến và ông Quảng là vô hiệu và áp dụng các quy định tại Điều **131** Bộ luật dân sự để giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Cụ thể, ông Quảng phải trả cho bà Tuyến số nợ gốc 6.000USD (Đô là Mỹ) quy đổi thành tiền Việt Nam bằng 136.356.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng).(Theo kết quả quy đổi ngoại tệ ra tiền Việt Nam ngày 20/11/2018 thì 01 đô la mỹ = 22.726 đồng nên 6.000USD (Đô là Mỹ) quy đổi thành tiền Việt Nam = 136.356.000đ) và bà Tuyến phải trả ông Nguyễn Văn Quảng GCNQSĐ đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Quảng.

Về lãi suất: Theo quy định tại Điều **131** Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Công văn số 81/2012/TANDTC ngày 10/6/2002 của TANDTC về việc giải đáp các vấn đề ngT vụ thì lãi suất các bên đã trả cho nhau từ giao dịch trái pháp luật được coi là thu lợi bất chính. Do vậy, cần phải truy thu số tiền lãi bà Tuyến đã nhận của ông Quảng 33.600.000đồng. (Ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà Nước.

Về thiệt hại của hợp đồng: Bà Tuyến và ông Quảng đều xác định không bị thiệt hại gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 228, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, 131, 132 của Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PLUBTVQH ngày 13/12/2005 của Ủy ban Mờng vụ Quốc Hội; Nghị định số 160/2006/NĐ – CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối; Công văn số 81/2012/TANDTC ngày 10/6/2002 của TANDTC; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Mờng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1.Tuyên bố hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Đỗ Thị Tuyến và ông Nguyễn Văn Quảng vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Văn Quảng phải trả bà Đỗ Thị Tuyến 6.000 USD (Mỹ) quy đổi ra tiền Việt Nam bằng 136.356.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

2. Buộc bà Đỗ Thị Tuyến phải trả lại ông Nguyễn Văn Quảng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Quảng.

3.Buộc bà Đỗ Thị Tuyến phải nộp lại số tiền 33.600.000 đồng (Ba mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Quảng phải chịu 6.817.800đ (sáu triệu tám trăm mười bẩy nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Đỗ Thị Tuyến 3.000.000 (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Đỗ Thị Tuyến đã nộp theo biên lai thu số 0001088 ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Phong

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C
(khi án có hiệu lực PL);
- Phòng GĐ TAND Tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;.
- Lưu HS, VP.